

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2023/HNGĐ- ST**

Ngày : 11-4-2023

V/v tranh chấp: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Hà

2. Bà Lê Thị Sáu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Vương- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2023, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 08/2023/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2023 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị M, sinh năm 1993

HKTT: Thôn 15, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

Địa chỉ: Tổ 6, khu phố An Thành, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Anh Nông Công T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn 11, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

Chị M, anh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 11/01/2023 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh Nông Công T chung sống với nhau từ năm 2020, có thời gian tìm hiểu, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 17/9/2020. Vợ chồng chung sống với nhau không được bao lâu thì liên tục phát sinh nhiều mâu thuẫn, sống không hạnh phúc. Lý do vợ chồng không hợp nhau cả về cách sống, quan điểm, tư tưởng. Cuộc sống hôn nhân bế tắc, mệt mỏi, ảnh hưởng đến tinh thần, công việc. hai bên cố gắng hàn gắn nhưng không được. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 07/2022 đến nay. Nay tình

cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T, có đơn không yêu cầu hòa giải đoàn tụ.

Về con chung: Quá trình chung sống chị M và anh Nông Công T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình chung sống Chị M và anh Nông Công T không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại “*đơn trình bày*” ghi ngày 26/01/2023, “*đơn xin gia hạn thời gian để hòa giải mâu thuẫn hôn nhân*” ngày 26/01/2023, các lời khai tại Tòa án, bị đơn anh Nông Công T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Nguyễn Thị M quen biết, có thời gian tìm hiểu do cả hai ở cùng thôn, cùng xã, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được hai gia đình đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 17/9/2020. Sau khi cưới, vợ chồng ở với nhau được vài ngày thì chị M về tỉnh Bình Dương dạy học, anh T sống tại xã L, huyện B, đời sống chung không kéo dài vì mỗi người công tác một nơi. Trong thời gian chung sống vợ chồng hạnh phúc bình thường và không có mâu thuẫn gì. Anh T cho rằng mâu thuẫn dẫn đến chị M làm đơn ly hôn là do anh T ghen tuông khi chị M chụp hình chung với người nam khác khi vợ chồng đi du lịch, chị M hay sử dụng mạng xã hội và bình luận và anh T có nhắc nhở. Chị M có nhờ em ruột đưa đơn ly hôn cho anh T ký tên người khởi kiện ly hôn sau đó nộp cho Tòa án và anh T đã rút đơn. Sau đó từ tháng 11/2022 đến nay anh T không gặp được chị M để vợ chồng giải quyết mâu thuẫn, sau đó chị M gửi đơn ly hôn anh T. Nay anh T không đồng ý ly hôn với chị M, yêu cầu Tòa án hòa giải nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Quá trình chung sống anh T và chị M không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình chung sống anh T và chị M không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 14/02/2023, 22/02/2023 nhưng chị M có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên họp về chứng cứ, yêu cầu Tòa án không hòa giải, anh T có mặt nên không hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Kết thúc phần tranh luận, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M, cho chị Nguyễn Thị M và anh Nông Công T được ly hôn. Về con chung chị M và anh T thống nhất trình bày không có con chung không yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung chị M và anh T thống nhất trình bày không có và không yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M và bị đơn anh Nông Công T đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Nông Công T chung sống tự nguyện từ năm 2020, có tổ chức lễ cưới, được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 17/9/2020. Đây là quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập, thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, đời sống chung của vợ chồng chị M và anh T không kéo dài được bao lâu, từ vài ngày đến 01 tháng, sau đó mỗi người một nơi do hai người công tác hai tỉnh khác nhau, dịch Covid bùng phát. Tuy nhiên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là có thật do không hợp nhau về cách sống, tư tưởng, anh T cũng có ghen tuông chị M. Mâu thuẫn vợ chồng đều đã được chị M và anh T thừa nhận và đến nay cố gắng hàn gắn nhưng không được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có xác minh với gia đình, địa phương nơi cả hai cư trú thì được biết chị M và anh T hiện nay không còn chung sống với nhau tại thôn 11, xã L, huyện B. Đồng thời Tòa án có hòa giải đoàn tụ nhưng chị M có đơn yêu cầu không hòa giải, anh T có mặt mong muốn vợ chồng đoàn tụ nên không hòa giải đoàn tụ được. Nay chị M vẫn kiên quyết ly hôn. Xét mâu thuẫn vợ chồng của chị M và anh T đã trầm trọng, không thể tiếp tục sống chung, đã ly thân, tình cảm vợ chồng không còn nên căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị M và anh T được ly hôn là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về con chung: Chị M và anh T đều thống nhất trình bày quá trình chung sống cả hai không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Chị M, anh T thống nhất trình bày không có tài sản chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị M, anh T thống nhất trình bày không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật TTDS, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đây là vụ án không có giá ngạch, cần buộc chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 235, Điều 264, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M đối với anh Nông Công T về việc “*Ly hôn*”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị M và anh Nông Công T được ly hôn.

2. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị M đã nộp tại biên lai nộp tiền số 0012640 ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND xã L, huyện B.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Bích Thủy

